

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-ST

Ngày: 08-12-2021

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Ngọc Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Ông Thượng Văn Kình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-DS ngày 17/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981; HKTT: Số A, đường M, Tổ S, khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Q, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Trương H, sinh năm 1993; địa chỉ: Số Q đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Số X, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo Đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:*

Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Trương H quen nhau từ tháng 9/2019. Trong thời gian quen nhau hai bên đã nảy sinh tình cảm yêu đương. Trong thời gian này, bà H có nhờ ông T mua hộ chiếc xe máy SH 150 Italy (cũ). Trong lúc này, ông T có nói với chị H là ông T đang kẹt tiền không có tiền mua xe cho chị H nhưng chị H nói rằng “anh cứ giúp em tìm và mua xe hộ em rồi để em về nói lại với mẹ đưa lại số tiền đó cho anh”. Ông T nghe nói vậy nên ông T đã quyết định bỏ ra số tiền 85.000.000 đồng để mua xe giúp chị H. Sau đó, ông T đã đưa chị H đến nhà anh Nguyễn Thành Đ để mua xe SH 150 và ông T đã đồng ý mua xe SH 150 Biển số 51 L4-AAAA trị giá 85.000.000 đồng, ông T đã giao đủ số tiền 85.000.000 đồng cho ông Đ. Sau một thời gian chị H sử dụng mà không chịu trả lại xe cũng như số tiền 85.000.000 đồng cho ông T.

Nay, ông Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Trương H phải trả lại số tiền 85.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

*2. Tại Biên bản hòa giải, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H trình bày:*

Bà H và ông Nguyễn Đình T có mối quan hệ tình cảm với nhau, bà H cũng là nhân viên quán Beer Club của quán ông T. Công việc của bà H là DJ và quản lý nhạc cho quán ông T. Khi giữa bà H và ông T quen nhau thì ông T có ý định mua xe để tặng bà H. Nên vào khoảng tháng 11/2019 ông T có dẫn bà H lại nhà ông Nguyễn Thành Đ để mua xe SH 150CC, Biển kiểm soát 51 L4-AAAA và đã tặng cho bà H chiếc xe trên, xe đứng tên ông Nguyễn Thành Đ. Sau đó ông Đ và bà H có ra Văn phòng Công chứng T ký giấy ủy quyền chiếc xe trên cho bà H. Bà H sử dụng xe đến ngày 06/8/2020 thì bán chiếc xe trên cho một người ở Thành phố Hồ Chí Minh với giá 40.000.000 đồng.

Trong thời gian quen nhau thì ông T có nói là mua xe để tặng bà H nên bà H mới lấy xe để sử dụng. Sau này, giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn không còn quen nhau nữa thì ông T đòi quà bà H thì bà không đồng ý. Trước đây, ông T có khởi kiện bà H một lần ra Tòa nhưng ông T không đến.

Nay bị đơn yêu cầu bà H phải trả lại xe thì bà không đồng ý.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ trình bày:*

Ông Đ là người mua bán xe cũ. Nên vào khoảng tháng 11/2019, ông Nguyễn

Đình T và bà Nguyễn Thị Trương H có đến nhà gặp ông Đ để hỏi mua chiếc xe máy SH Ý 150CC Biển kiểm soát 51L4-AAAA. Chiếc xe trên do ông Đ nhận ủy quyền. Sau khi thỏa thuận giá cả mua bán chiếc xe trên thì ông Đ đã bán chiếc xe trên cho ông T và bà H với số tiền 85.000.000 đồng. Ông Đ đã giao xe cho ông T và bà H cùng với giấy tờ xe và ông Đ có viết 01 tờ biên nhận vì ông T, bà H chưa trả hết số tiền xe nên ông Đ có ghi biên nhận và có hỏi ai nhận ủy quyền thì nói với ông Đ để làm thủ tục cho người đó. Khoảng 01 tháng sau thì ông T và bà H thanh toán đầy đủ số tiền 85.000.000 đồng cho ông.

Đến ngày 06/8/2020, có một người ở thành phố Hồ Chí Minh nhờ ông Đ ra Văn phòng Công chứng H để ông Đ ký giấy ủy quyền chiếc xe trên cho người đó và ông Đ đã ký Giấy ủy quyền tại Văn phòng Công chứng H. Hiện nay, ông Đ không còn liên quan đến chiếc xe Biển kiểm soát 51L4-AAAA nữa, ông Đ đã chuyển nhượng cho ông T, bà H và sau đó ông T, bà H bán cho ai là quyền của ông T và bà H.

Nay ông Nguyễn Đình T khởi kiện bà Nguyễn Thị Trương H thì ông Đ có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

*\* Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn trình bày:* Số tiền 85.000.000 đồng là ông bỏ ra để mua xe cho bà H. Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại xe mang Biển kiểm soát 51L4-AAAA

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H vắng mặt.*

*\* Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của Hội đồng xét xử là đúng quy định. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, thì các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ có trong vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, nhận thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H trả lại số tiền 85.000.000 đồng,

nên quan hệ pháp luật của vụ án là: “Tranh chấp đòi tài sản”. Hiện bị đơn đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ: Xét bà H và ông Đ đã có ý kiến trình bày trong quá trình tố tụng và đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại chiếc xe máy SH Ý 150CC mang Biển kiểm soát 51L4-AAAA mà nguyên đơn đã bỏ tiền ra để mua từ ông Nguyễn Thành Đ. Nguyên đơn cho rằng không tặng cho chiếc xe này cho bị đơn, nên yêu cầu bị đơn trả lại chiếc xe trên.

Bị đơn cho rằng chiếc xe máy trên là nguyên đơn đã bỏ tiền ra mua xe và tặng cho bị đơn. Bị đơn sử dụng chiếc xe một thời gian và đã chuyển nhượng xe cho người khác, nên bị đơn không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn khởi kiện nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh là nguyên đơn đã cho bị đơn mượn chiếc xe máy SH Ý 150CC mang Biển kiểm soát 51L4-AAAA. Phía bị đơn bà H cũng không thừa nhận nội dung này. Do vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T về việc đòi lại tài sản là chiếc xe máy SH Ý 150CC mang Biển kiểm soát 51L4-AAAA từ bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H.

[4] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Trương H không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều: 158, 163 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Trương H về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đình T phải nộp số tiền 2.125.000 đồng được trừ vào 2.125.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0056436 ngày 28/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Đình T còn phải nộp thêm số tiền 2.125.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS Thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Ngọc Hương**